

Số: **87/2022/QĐST-DS**

Hoài Đức, ngày 15 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 463, 466, 317 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d khoản 1.3 điều 1, Phần II Mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 70/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Th V** (VBank); Địa chỉ trụ sở: Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý pháp lý; Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Như Giang, ông Chu Đức Trung – Cán bộ xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Phú S**, sinh năm 1969;

Bà **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1971;

Cùng trú tại: Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số LN2001132101954 ngày 22/01/2020 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 08/11/2019 đã ký giữa Ngân hàng VBank và ông Hoàng Phú S, bà Nguyễn Thị Á, tạm tính đến ngày 19/5/2022 ông S, bà Á có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VBank số tiền nợ cụ thể là:

+ Hợp đồng tín dụng số LN2001132101954 ngày 22/01/2020 số tiền:

Nợ gốc là 1.094.013.192 (*Một tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, không trăm mười ba nghìn, một trăm chín mươi hai*) đồng;

Nợ lãi trong hạn 36.199.073 (*Ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bảy mươi ba*) đồng;

Nợ lãi quá hạn là 113.395.651 (*Một trăm mười ba triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi mốt*) đồng;

Lãi phạt 5.940.701 (*Năm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm linh một*) đồng;

Tổng cộng là 1.249.548.617 (*Một tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười bảy*) đồng.

+ Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 08/11/2019:

Nợ gốc là 96.895.882 (*Chín mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi hai*) đồng;

Nợ lãi là 24.817.771 (*Hai mươi bốn triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi mốt*) đồng;

Tổng cộng 121.713.653 (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm năm mươi ba*) đồng.

Tổng cộng số tiền nợ của hai hợp đồng là 1.371.262.270 (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi*) đồng.

Kể từ ngày 20/5/2022 ông S, bà Á tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng VBank nợ lãi, phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử đã ký kết với Ngân hàng VBank cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.2] Nếu ông S, bà Á vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng VBank có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có

thảm quyền kê biên, phát mại đồng thời quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể:

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 305/2, tờ bản đồ số 04, có diện tích 227m², trong đó sử dụng riêng là 170m², sử dụng chung là 57m², địa chỉ: thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 607013; số vào sổ cấp GCN: CH 03008 do UBND huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2014 đứng tên ông Hoàng Phú S và bà Nguyễn Thị Á, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 660/2018, quyền số 01-2018TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô ngày 09/3/2018, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Hoài Đức ngày 12/3/2018.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông S, bà Á. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông S, bà Á vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng VBank.

[2.3] Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Về án phí:

Ông Hoàng Phú S, bà Nguyễn Thị Á tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm là 26.583.934 (*Hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi tư*) đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Th V (VBank) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 25.942.000 (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0015741 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phạm Thị Lan Anh